

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021

Năm 2021, kinh tế thế giới đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng và dần lấy lại đà tăng trưởng nhờ sử dụng hiệu quả của các biện pháp, chính sách tài khóa chưa từng có tiền lệ, cùng việc dần kiểm soát dịch bệnh nhờ triển khai tiêm vaccine phòng Covid-19. Tuy nhiên, đà phục hồi có dấu hiệu chững lại trong những tháng cuối năm do phải đối mặt với những yếu tố bất ổn từ làn sóng Covid-19 mới đang hình thành trên quy mô toàn cầu, lạm phát đang có xu hướng tăng cao, giá hàng hóa đầu vào tăng, rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt năng lượng. Mặc dù tăng trưởng kinh tế còn khác nhau ở các khu vực, nhưng những đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam hiện đang ở trạng thái phục hồi, mang lại những cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam.

Trong nước, những tháng đầu năm, nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn phục hồi¹, vừa tiếp tục các giải pháp đồng bộ để đẩy lùi và không tái bùng phát dịch, vừa phát triển kinh tế trong trạng thái bình thường mới. Tuy nhiên, dịch bệnh bùng phát lần thứ tư với chủng mới Delta đã gây thiệt hại nặng nề cho cả kinh tế và các lĩnh vực xã hội². Nhiều hoạt động kinh tế bị đình trệ, đứt gãy, doanh nghiệp ngừng sản xuất, thất nghiệp tăng cao... Trước những khó khăn và thách thức mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách kịp thời để chỉ đạo phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi bệnh dịch và phát triển kinh tế”, “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh”.

Tỉnh Vĩnh Phúc là một trong những địa phương đầu tiên trong chịu tác động của đợt dịch thứ 4 với biến chủng Delta nguy hiểm³; đặc biệt có một số chùm ca bệnh tại các địa điểm có nguy cơ bùng phát dịch cao như quán Bar, Massage, quán ăn, doanh nghiệp gần khu công nghiệp. Trước tình hình đó, tỉnh đã tập trung cao độ trong công tác phòng, chống dịch, xác định chống dịch như chống giặc; huy động sức mạnh của toàn dân; chuyển chiến lược chống dịch từ “điều tra, truy vết, xét nghiệm” trong năm 2020 thành “bao vây, khoanh vùng, đón đầu, đánh chặn”. Với sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh đã kiểm soát được dịch bệnh, là mô hình điểm về thực hiện mục tiêu kép trong cả nước, tình hình kinh tế xã hội

¹ GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%

² GDP quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay.

³ Ca bệnh người Trung Quốc đến tỉnh từ ngày 23/4/2021.

của tỉnh năm 2021 tiếp tục ổn định. Mặc dù chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19, song kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, các lĩnh vực văn hóa xã hội được duy trì, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Những tháng đầu năm 2021, nền kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc phục hồi và đạt mức tăng trưởng cao. Sáu tháng đầu năm, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt mức tăng 14,71% so cùng kỳ, cao nhất vùng Đồng bằng Sông Hồng và cao thứ 3 cả nước (sau Hòa Bình và Ninh Thuận). Bước sang quý III, dịch Covid-19 xuất hiện trở lại trên địa bàn và bùng phát mạnh tại các tỉnh phía Nam và các tỉnh lân cận... ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù dịch bệnh nhanh chóng được kiểm soát, nhưng kinh tế của tỉnh cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực do chuỗi cung ứng hàng hóa đứt gãy, tăng trưởng quý III chỉ đạt mức tăng 1,60% so với cùng kỳ. Bước sang quý IV, ngay khi Nghị quyết 128 của Chính phủ được ban hành, tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện, đưa nền kinh tế xã hội hoạt động theo trạng thái bình thường mới và đảm bảo “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”. Nhờ đó, những tháng cuối năm nền kinh tế của tỉnh đạt mức tăng khá. Tính chung cả năm, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Vĩnh Phúc đạt mức tăng trưởng tốt, tăng 8,02% so với năm 2020, đứng thứ 9 cả nước⁴. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,81%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 12,98%, riêng công nghiệp tăng 13,84%; khu vực dịch vụ tăng 2,96%.

- *Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản:* Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh ít chịu tác động của dịch bệnh nên sản xuất ổn định và có tăng trưởng giá trị tăng thêm đạt khá +4,81%, đóng góp 0,28 điểm % vào mức tăng chung. Riêng sản xuất nông nghiệp tăng 4,97%, đóng góp 0,26 điểm %.

Trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi tiếp tục là ngành đóng góp chính, giá trị sản xuất chăn nuôi cả năm tăng 7,24%, chủ yếu do sự phục hồi tốt của đàn lợn sau ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi. Năm 2021, chăn nuôi lợn mặc dù còn gặp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng quy mô đàn lợn do giá thức ăn tăng cao, giá thịt lợn hơi xuống thấp trong những tháng gần đây nhưng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước vẫn tăng 10,34% so với năm 2020. Sản lượng các ngành chăn nuôi khác đều đạt mức tăng khá: thịt gia cầm tăng 4,90%; trứng gia cầm tăng 8,52%; sữa bò tươi tăng 20,47%...

Ngành trồng trọt phát triển ổn định, diện tích gieo trồng toàn tỉnh tuy có xu

⁴ Tăng trưởng tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021 chỉ xếp sau 8 tỉnh: Hải Dương +8,6%; Đắk Nông +8,63%, Hà Nam +8,85%; Thanh Hóa +8,85%; Ninh Thuận +9%; Gia Lai +9,71%, Quảng Ninh 10,28%; Hải Phòng + 12,38%.

hướng giảm, song mức giảm không đáng kể so với năm trước (mức giảm thấp nhất kể từ năm 2016⁵)... Dịch bệnh Covid-19 phức tạp với những biện pháp cách ly, hạn chế di chuyển để phòng dịch đã khiến một bộ phận người lao động tham gia nhiều hơn vào hoạt động trồng trọt của gia đình. Bên cạnh đó, nhờ thực hiện tốt khâu chăm sóc, tuân thủ sự chỉ đạo và lịch thời vụ của ngành Nông nghiệp nên năng suất các loại cây trồng chủ yếu đều tăng: năng suất lúa cả năm tăng 2,93%; rau các loại tăng 1,22%... Đồng thời, cơ cấu cây trồng có sự chuyển dịch tích cực từ cây trồng giá trị thấp sang cây trồng giá trị cao đã góp phần tăng giá trị của ngành trồng trọt. Do đó, giá trị sản xuất ngành trồng trọt vẫn tăng 2,05%.

Các ngành Thủy sản, Lâm nghiệp tiếp tục sản xuất ổn định, đóng góp 0,02 điểm % vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- *Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng*: Giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 12,98%, đóng góp 6,12 điểm % vào tăng trưởng của tỉnh, là năm có tốc độ tăng trưởng cao thứ 2 trong vòng 10 năm trở lại đây và cao hơn mức tăng bình quân của giai đoạn 2016-2020. Trong đó công nghiệp tăng 13,84%, đóng góp 5,78 điểm %.

Trong ngành công nghiệp, ngành sản xuất linh kiện điện tử tiếp tục là mũi nhọn, có giá trị chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị ngành công nghiệp, vẫn duy trì được năng lực sản xuất ổn định và đạt mức tăng 31,83% so năm 2020. Giá trị tăng thêm của ngành tăng cao và có mức đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh từ trước đến nay⁶. Ngành sản xuất ô tô mặc dù gặp khó khăn trong quý III, các doanh nghiệp phải cắt giảm sản lượng do chuỗi cung ứng bị gián đoạn, hoạt động thông thương giữa các tỉnh/thành phố bị hạn chế... nhưng sang quý IV, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, các doanh nghiệp tăng sản lượng sản xuất, đón đầu chính sách giảm 50% thuế trước bạ cho ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước của Chính phủ. Chỉ số sản xuất của ngành đã tăng trở lại. Tính chung cả năm 2021, giá trị tăng thêm của ngành sản xuất xe có động cơ đạt mức tăng 6,75%, đóng góp 0,31 điểm % tăng trưởng. Ngành sản xuất xe máy tiếp tục xu hướng giảm của các năm trước do nhu cầu sử dụng xe máy của người dân đã dần đạt ngưỡng bão hòa; đồng thời do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 làm lượng xe tiêu thụ giảm rõ rệt, giá trị tăng thêm của ngành giảm 5,46% so năm trước, làm giảm 0,62 điểm % tăng trưởng của tỉnh. Ngành sản xuất kim loại tiếp tục tăng khá, chủ yếu do giá sản phẩm trong năm tăng cao, các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất; giá trị tăng thêm của ngành đạt mức tăng trưởng 24,83%, đóng góp 0,44 điểm % tăng trưởng của tỉnh. Các ngành công nghiệp khác còn lại cơ bản ổn định.

⁵ Tỷ lệ giảm các năm từ năm 2016 đến năm 2020 là: 0,94%; 2,47%; 2,87%; 4,61%; 0,88%

⁶ Năm 2019 tăng 42,37%, đóng góp 4,03 điểm %; năm 2020, tăng 26,42%, đóng góp 3,31 điểm %; năm 2021 tăng 31,83%, đóng góp 4,90 điểm %.

Ngành xây dựng: Năm 2021, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công sau thời gian giãn cách xã hội, các chủ đầu tư và đơn vị thi công đã tập trung huy động toàn bộ nhân lực, phương tiện máy móc để đẩy nhanh tiến độ thi công nhất là các dự án trọng điểm nên giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng khá so năm trước. Ngành xây dựng tiếp tục đạt mức tăng khá, tăng 6,32% so năm trước, đóng góp 0,34 điểm % tăng trưởng của tỉnh.

- *Khu vực dịch vụ*: Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Những tháng đầu năm, hoạt động bán lẻ hàng hóa và kinh doanh dịch vụ diễn ra sôi động. Cuối quý II và quý III, do dịch bệnh bùng phát, phải thực hiện các biện pháp phòng chống dịch nên các ngành dịch vụ vận tải, du lịch lữ hành, ăn uống, giải trí chịu tác động rất lớn, giá trị sản xuất giảm mạnh. Bước sang quý IV, thực hiện chủ trương “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo Nghị quyết của Chính phủ các ngành dịch vụ đã có sự tăng trưởng trở lại. Bên cạnh đó, một số ngành dịch vụ còn lại, đặc biệt là các ngành y tế, khoa học công nghệ, thông tin truyền thông... vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá. Tính chung cả năm, các ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng thấp, ước đạt 2,96%, đóng góp 0,61 điểm % vào tăng trưởng GRDP chung của tỉnh. Trong đó ngành Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô xe máy tăng 4,27%, đóng góp 0,23 điểm %; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,10%; đóng góp 0,19 điểm %; ngành y tế và trợ giúp xã hội tăng 10,97% đóng góp 0,07 điểm %; ngành thông tin truyền thông tăng 3,89% đóng góp 0,08 điểm % vào tăng trưởng chung.

- *Thuế sản phẩm trừ trợ cấp*: Năm 2021, hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh diễn ra tương đối ổn định, một số ngành sản xuất chủ lực vẫn đạt mức tăng trưởng khá so với năm trước như: sản xuất ô tô, sản xuất linh kiện điện tử... nên đã đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách của tỉnh. Do đó, thuế sản phẩm trên địa bàn tỉnh cũng đạt mức tăng 3,84%, đóng góp 1,01 điểm % tăng trưởng chung.

1.2. Quy mô, cơ cấu kinh tế

Quy mô GRDP tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021 theo giá hiện hành ước đạt 136,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 10,2% so với năm 2020. Đưa giá trị GRDP bình quân đầu người lên 114,27 triệu đồng/người, tăng 8,8 triệu đồng/người, tương đương tăng 8,30% so với năm 2020.

Về cơ cấu trong GRDP: Do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GRDP năm 2021 giảm so năm 2020. Năm 2021, ước tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 48,02%, ngành dịch vụ chiếm 21,42% và ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5,89%; thuế sản phẩm chiếm

24,67% trong cơ cấu GRDP các ngành kinh tế theo giá hiện hành⁷.

2. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

2.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Năm 2021, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định và đạt mức tăng trưởng khá, tác động tích cực đến nguồn thu ngân sách của tỉnh. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước tính đến 15/12/2021, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 30.976 tỷ đồng, tăng 22,96% so với năm 2020. Trong đó, thu nội địa đạt 25.742 tỷ đồng, tăng 26,48%. Thu ngân sách chủ yếu tăng thu từ khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (chiếm 65,80% thu nội địa) tăng 29,45% so với năm trước; thu từ các doanh nghiệp Nhà nước và sản xuất công nghiệp, thương mại ngoài quốc doanh cũng đóng góp mức tăng khá lần lượt là +8,60% và +24,96. Thu hải quan đạt 4.827 tỷ đồng, tăng 3,06% so với năm trước.

Tổng chi ngân sách Nhà nước đến ngày 15/12/2021 đạt 19.914 tỷ đồng, tăng 4,02% so với năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 10.400 tỷ đồng, tăng 1,95%; chi thường xuyên đạt 9.473 tỷ đồng, tăng 6,39% so với năm 2020. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện kế hoạch kinh doanh an toàn, hiệu quả, tập trung vốn cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chủ động cân đối tiết kiệm chi phí để tiếp tục hạ lãi suất cho vay phù hợp với điều kiện, khả năng tài chính của từng TCTD nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Kết quả, năm 2021 huy động vốn trong dân cư tăng trưởng tốt, tỷ lệ tăng đều qua các tháng trong năm, tổng dư nợ cho vay duy trì mức tăng trưởng khá.

Tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2021 ước đạt 101.300 tỷ đồng, tăng 15% so với cuối năm 2020. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 70.200 tỷ đồng, tăng 20,19%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 31.100 tỷ đồng, tăng 4,9% so với cuối năm 2020. Cơ cấu tín dụng phần lớn là cho vay ở các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 kéo dài, nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh khi được hoạt động trở lại cao. Trong đó, ngành thương mại, dịch vụ là 55.100 tỷ đồng (chiếm 54,39% tổng dư nợ), tăng 20,87%; ngành công nghiệp, xây dựng là 39.400 tỷ đồng (chiếm 38,89% tổng dư nợ), tăng 13,54% so với cuối năm 2020. Phân theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể chiếm tỷ lệ 51,63% tổng dư nợ, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế hộ gia

⁷ Tỷ trọng các khu vực tương ứng năm 2020 là: 45,52%; 22,60%; 6,11% và 25,77%

đình; khu vực doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH, doanh nghiệp FDI... chiếm 48,37% tổng dư nợ.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/12/2021 ước đạt 100.000 tỷ đồng, tăng 9,0% so với cuối năm 2020. Vốn huy động chủ yếu tăng ở nguồn tiền gửi tiết kiệm của dân cư với mức tăng 14,02% so với cuối năm 2020; xu hướng gửi tiền tiết kiệm tiếp tục được người dân tin tưởng lựa chọn thay vì các kênh đầu tư khác... Mặc dù do tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến dòng tiền của DN, một số DN FDI chuyển nguồn sang ngân hàng nước ngoài và chuyển lợi nhuận về nước. Song, một số TCTD trong nước vẫn có nguồn vốn huy động duy trì mức tăng trưởng ổn định, tăng 4,44% so với cuối năm 2020. Ngoài nguồn vốn huy động tại địa phương, các TCTD trên địa bàn nhận vốn điều hoà từ Hội sở chính để tăng nguồn, bù đắp thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Năm 2021, lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 4-9,5%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,1-6,5%/năm đối với từng kỳ hạn. Dự kiến nợ xấu đến 31/12/2021 ước đạt 800 tỷ đồng; tăng 49,25% so với tháng 12/2020, chiếm tỷ lệ 0,79% trên tổng dư nợ.

2.3. Bảo hiểm

Năm 2021, thị trường lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực do dịch Covid-19 kéo dài, gây ảnh hưởng trực tiếp tới công tác mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT). Trước những khó khăn đó, toàn ngành BHXH từ Trung ương đến địa phương đã nỗ lực, cố gắng đưa ra nhiều giải pháp quyết liệt nhằm thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2021. Trong đó xác định cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm đáp ứng được các yêu cầu tổ chức, thực hiện chính sách BHXH, BHYT trong tình hình mới.

Ước tính đến 31/12/2021, số người tham gia BHXH là 242.522 người, chiếm 37,2% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 225.836 người; BHXH tự nguyện: 16.686 người) tham gia BH thất nghiệp 218.271 người, chiếm 33,5% lực lượng lao động; tham gia BHYT 1.116.989 người. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,8% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại năm 2021 ước đạt 5.215,5 tỷ đồng, đạt 95,2% kế hoạch giao và tăng 2,93% so với năm trước. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Qua đó, năm 2021 BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 746 người; Giải quyết hưởng BHXH một lần cho 8.829 người; Giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 104.584 lượt người; lập danh sách chi trả cho 9.153 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

3. Đầu tư và xây dựng

Nhận định hoạt động đầu tư, xây dựng tiếp tục đóng vai trò là nhân tố chính dẫn dắt tăng trưởng kinh tế, trong đó công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được xác định là một trong các nhiệm vụ chính trị quan trọng. Từ đó, UBND tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện nhiều giải pháp và hành động thiết thực, công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn Tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần kích cầu đầu tư xã hội, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động. Năm 2021, hoạt động đầu tư, xây dựng trên địa bàn có mức tăng trưởng khả quan so với năm trước.

3.1. Đầu tư

- Kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý IV năm 2021 ước đạt 14.599,9 tỷ đồng, tăng 5,21% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 45.691 tỷ đồng, tăng 5,25% so với năm trước. Đóng góp chủ yếu vào mức tăng chung là vốn đầu tư khu vực nước ngoài, ước đạt 21.985 tỷ đồng, chiếm 48,12% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tăng 11,53% so với năm trước. Trong năm, nhiều doanh nghiệp FDI tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, các dự án mới được cấp phép đang khẩn trương đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị, tuyển dụng đào tạo lao động. Bên cạnh đó, sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước, cũng như chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang các lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao như: Nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất, thương mại, dịch vụ... của nhóm kinh tế hộ dân cư, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài Nhà nước. Năm 2021, vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 16.113 tỷ đồng, tăng 2,58% so với năm trước. Vốn đầu tư thực hiện khu vực Nhà nước giảm nhẹ 4,99% so với năm 2020.

- Kết quả thu hút vốn đầu tư: Các hoạt động xúc tiến, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu tư tiếp tục được tỉnh quan tâm, tăng cường đẩy mạnh bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Trong kỳ, tỉnh đã tiếp đón và làm việc trực tiếp, online trực tuyến với các đoàn, nhà đầu tư, doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn đầu tư nước ngoài. Duy trì thường xuyên chương trình “Lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc gặp gỡ với doanh nhân hằng tuần”, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, lắng nghe ý kiến tham vấn, đề xuất của doanh nghiệp về những cơ chế chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư... Đặc biệt, trong chuyến công tác tại Nhật Bản trong tháng Mười một, UBND tỉnh đã trao bản ghi nhớ về hợp tác đầu tư giữa UBND tỉnh Vĩnh Phúc với tập đoàn SOJITZ và các đối tác đầu tư của tập đoàn tại Việt Nam về việc đầu tư và phát triển dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại huyện Tam Đảo với tổng vốn đầu tư

trên 500 triệu USD, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng, thu hút trực tiếp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh năm 2021 có sự tăng mạnh về số vốn đăng ký mới ở cả khu vực đầu tư trong nước (DDI) và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đến ngày 15/12/2021, tỉnh đã thu hút được 43 dự án DDI (25 dự án cấp mới, 18 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 21.838 tỷ đồng, tăng 143,02%; 68 dự án FDI (36 dự án cấp mới, 32 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 1.025 triệu USD, tăng 51,29% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới cho 36 dự án FDI đạt 885 triệu USD, cao nhất trong 25 năm kể từ khi tái lập tỉnh tới nay. Trong số 36 dự án FDI cấp mới, Hàn Quốc là nước dẫn đầu về số dự án và vốn đăng ký cấp mới là 21 dự án với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 142 triệu USD. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu FDI với 790 triệu USD vốn đăng ký cấp mới (33 dự án) thu hút được, tăng 156,61% về số vốn đăng ký cấp mới, tăng 37,5% về số dự án đầu tư. Năm 2021, toàn tỉnh có 18 dự án DDI, 32 dự án FDI điều chỉnh vốn đăng ký với tổng vốn điều chỉnh lần lượt là 11.781 tỷ đồng và 140 triệu USD. Điều đó cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc là môi trường đầu tư lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình trong thời gian tới.

3.2. Xây dựng

Ước tính tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành trong quý IV năm 2021 đạt 8.450,7 tỷ đồng, tăng 22,48% so với quý trước và tăng 9,79% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước thực hiện 4.038,6 tỷ đồng, tăng 14,80%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 264,9 tỷ đồng, tăng 14,29%; khu vực xã/phường/thị trấn và hộ dân cư đạt 4.142,1 tỷ đồng, tăng 7,78% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính cả năm 2021, tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành đạt 26.371,1 tỷ đồng, tăng 9,90% so năm trước. Chia theo loại hình sở hữu: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 12.137,9 tỷ đồng, tăng 18,75%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 916,3 tỷ đồng, giảm 2,26%; khu vực xã/phường/thị trấn và hộ dân cư đạt 13.305,1 tỷ đồng, tăng 7,11% so năm 2020. Chia theo loại công trình: Công trình nhà ở là 14.242,6 tỷ đồng, tăng 5,77%; công trình nhà không để ở là 4.938,6 tỷ đồng, tăng 5,06%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 5.856,2 tỷ đồng, tăng 25,81%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 1.333,7 tỷ đồng, tăng 13,67% so năm 2020. Nguyên nhân tăng mạnh do những tháng cuối

năm, nhu cầu xây mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở và các công trình phụ trợ gắn liền với nhà ở trong khu vực dân cư tăng khá; một số dự án xây dựng căn hộ thương mại, nhà ở xã hội được đã đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành; các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị để nhanh chóng phục hồi và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua dịch Covid-19, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai nhiều biện pháp, trong đó UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tạo điều kiện, trợ giúp các doanh nghiệp thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời và chính xác các chính sách hỗ trợ của Chính phủ về ưu đãi, giảm lãi suất cho vay; gia hạn nộp thuế GTGT, giảm 30% thuế TNDN, gia hạn nộp thuế sử dụng đất... đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn những khó khăn cho các doanh nghiệp như: Việc thiếu chuyên gia nước ngoài do phải áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam; thiếu hụt nhân công, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao do chủ trương hạn chế di chuyển, đi lại của lái xe giao hàng và công nhân lao động giữa Vĩnh Phúc và một số tỉnh, thành phố; chi phí phòng chống dịch phát sinh lớn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như việc sắp xếp công nhân sản xuất theo dây chuyền và xếp lịch làm việc theo ca theo kế hoạch.

4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/12/2021, toàn tỉnh có 1.169 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 12.337 tỷ đồng, giảm 3,39% về số doanh nghiệp nhưng tăng 39,68% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm đạt 10,55 tỷ đồng, tăng 44,58% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng chủ yếu ở lĩnh vực kinh doanh bất động sản là 69 doanh nghiệp với tổng số đăng ký đạt 4.222 tỷ đồng, tăng 32,69% về số doanh nghiệp, tăng 212,73% về vốn đăng ký, chiếm 34,22% tổng vốn đăng ký toàn tỉnh. Nguyên nhân do trong năm 2021, thị trường giao dịch bất động sản diễn ra sôi nổi, nhu cầu về môi giới, giao dịch bất động sản tăng, dẫn tới các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản được đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng doanh nghiệp và quy mô vốn đăng ký hoạt động. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là 230 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 2.182 tỷ đồng, tăng 4,07% về số doanh nghiệp, tăng 9,07% về vốn đăng ký; lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là 354 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 2.137 tỷ đồng giảm 10,38% về số doanh nghiệp, tăng 3,24% về vốn đăng

ký; lĩnh vực xây dựng là 203 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 1.857 tỷ đồng, giảm 3,33% về số doanh nghiệp, tăng 28,74% về vốn đăng ký...

Trong năm, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 338 doanh nghiệp, tăng 33,07% so với năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2021 lên 1.507 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 125 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động). Tuy nhiên, trước những tác động của dịch Covid-19, các doanh nghiệp để duy trì hoạt động sản xuất phải chịu thêm nhiều chi phí về công tác phòng chống dịch cho nhân viên, làm cho nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa không đủ khả năng tiếp tục hoạt động, dẫn tới số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 516 doanh nghiệp, tăng 17,81% so với cùng kỳ, bao gồm: 421 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 18,93%; 95 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,1% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 43 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4.2. Xu hướng SXKD của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV năm 2021 cho thấy: Có 45,92% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV năm nay tốt hơn quý trước; 20,41% số doanh nghiệp nhận định còn gặp khó khăn và 34,69% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV ở mức ổn định.

Dự báo xu hướng sản xuất kinh doanh quý I năm 2022 so với quý IV năm 2021: Có 52,04% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn; 10,20% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 37,76% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định.

5. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Năm 2021, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi; năng suất các cây trồng chủ yếu đều đạt mức tăng khá so với năm 2020. Chăn nuôi gia súc, gia cầm mặc dù có xuất hiện một số ổ dịch nhưng đã được kiểm soát kịp thời. Chăn nuôi lợn phục hồi tốt trong những tháng đầu năm, nhưng có xu hướng chậm lại những tháng cuối năm do giá lợn hơi liên tục giảm gây khó khăn trong việc duy trì và mở rộng đàn. Sản lượng chăn nuôi chủ yếu như thịt lợn, thịt gia cầm, trứng, sữa bò... đều tăng khá so năm trước. Sản xuất thủy sản ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng.

5.1. Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt:

Với mục tiêu phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, tạo ra các sản phẩm theo chuỗi giá trị và gắn với nhu cầu thị trường tiêu dùng, nâng cao năng suất, chất lượng các loại cây trồng, tỉnh Vĩnh Phúc đã tăng cường hoạt động thông tin, truyền thông, khuyến khích người nông dân/cơ sở sản xuất tích cực áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào trồng trọt, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa ở tất cả các khâu. Đồng thời, đầu tư cải thiện chất lượng dịch vụ sản xuất nông nghiệp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng. Trong năm, ngành trồng trọt có gặp một số khó khăn nhất định như: Giá phân bón tăng cao; quá trình trao đổi, lưu thông sản phẩm nông sản bị hạn chế do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19; diện tích canh tác ngày càng thu hẹp... nhưng với quyết tâm của ngành chức năng, các địa phương, sự nỗ lực của bà con nông dân, sản xuất trồng trọt tiếp tục tiếp tục đạt kết quả tốt, góp phần ổn định đời sống của Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội, an ninh lương thực trên địa bàn. Kết quả sơ bộ của một số loại cây trồng chính đạt được năm 2021 như sau:

Kết quả sản xuất nông nghiệp cả năm 2021

Một số cây trồng chủ yếu	Năm 2021			Tỷ lệ % so với năm 2020		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Lúa	53.638	59,82	320.850	99,58	102,93	102,49
Cây ngô	9.181	48,23	44.279	95,25	101,16	96,35
Khoai lang	1.779	118,34	21.047	86,23	102,69	88,55
Đậu tương	806	20,35	1.639	84,03	101,51	85,30
Lạc	2.192	21,57	4.729	95,40	101,00	96,35
Rau các loại	10.540	225,84	238.029	104,08	101,22	105,41

Sản xuất cây lâu năm năm 2021 trên địa bàn diễn ra trong điều kiện thời tiết nhìn chung thuận lợi; các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp bao gồm cả hỗ trợ phát triển sản xuất cây lâu năm như chương trình khuyến nông, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025... tiếp tục được triển khai hiệu quả. Tổng diện tích các loại cây lâu năm hiện có của tỉnh ước đạt 8.358,7 ha, tăng 1,82% so với năm trước; trong đó, chủ yếu là cây ăn quả với 7.865,40 ha, chiếm 94,10% tổng

diện tích cây lâu năm. Trong đó: Thanh long 399 ha, tăng 44,5%; chuối 1.911 ha, giảm nhẹ; vải 1.748 ha, giảm 4,87%; xoài 681 ha, giảm 0,55%; nhãn 679 ha, giảm 1,73%;

b) Chăn nuôi:

Năm 2021, các ngành chức năng của tỉnh tiếp tục truyền thông, khuyến cáo, hướng dẫn cơ sở, hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong chăn nuôi; cập nhật thông tin thị trường để thực hiện tái đàn phù hợp nhu cầu tiêu dùng, đảm bảo cân bằng cung cầu và mang lại hiệu quả kinh tế; khuyến khích chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, công nghệ cao, an toàn sinh học và mở rộng hình thức chăn nuôi khép kín. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh được quan tâm và thường xuyên thực hiện; công tác kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm về vận chuyển, buôn bán gia súc gia cầm được thực hiện chặt chẽ. Tuy vậy, hoạt động sản xuất chăn nuôi trong năm gặp khó khăn do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao; giá một số loại sản phẩm chăn nuôi không ổn định, đặc biệt giá thịt lợn hơi có thời kỳ liên tục giảm, thấp hơn giá thành sản xuất, khiến người chăn nuôi lợn thua lỗ, ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất và mở rộng quy mô chăn nuôi. Tình hình cụ thể như sau:

- Chăn nuôi trâu, bò: Ước tính đến thời điểm 31/12/2021, đàn trâu có 17.650 con, giảm 3,1% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò 103.650 con, giảm 0,46%. Chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh nhìn chung không có nhiều biến động. Tổng đàn trâu toàn tỉnh tiếp tục có xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao và môi trường chăn thả bị thu hẹp, đàn bò tăng nhẹ, riêng đàn bò sữa phát triển tốt do sản phẩm sữa tươi có thị trường tiêu thụ ổn định, người chăn nuôi có lãi đã mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô đàn với nhiều giống bò mới cho năng suất và chất lượng sữa cao. Sản lượng sữa bò đạt 48.000 tấn, tăng 20,47%.

- Chăn nuôi lợn: Trong những tháng đầu năm, chăn nuôi lợn có sự phát triển tốt, giá bán sản phẩm lợn hơi giữ ổn định ở mức, người chăn nuôi có lãi nên đã duy trì sản xuất và đầu tư mở rộng quy mô. Đầu tháng Năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát đã khiến việc vận chuyển, tiêu thụ nông sản bị ảnh hưởng; các nhà hàng, quán ăn... bị hạn chế hoạt động, nhu cầu tiêu thụ giảm kéo giá lợn hơi giảm mạnh⁸. Giá lợn hơi tăng nhẹ trở lại vào hai tháng cuối năm tuy nhiên vẫn còn khoảng cách xa so với giá thành sản xuất để giúp người chăn nuôi có lãi và đầu tư tái đàn. Tổng đàn lợn⁹ tại thời điểm 31/12/2021 ước đạt 466.208 con, tăng 3,64% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng tháng Mười hai ước đạt 6.390,0 tấn, tăng 5,3%; quý IV ước đạt 17.400,0 tấn, tăng 5,19% so với cùng kỳ.

⁸ Giá lợn hơi bình quân 5 tháng đầu năm 2021 trên 70.000 đồng/kg;

Giá lợn hơi bình quân tháng 10 giảm còn 39.646 đồng/kg; tháng 11: 44.315 đồng/kg; tháng 12: 48.909 đồng/kg

⁹ Không tính lợn con theo mẹ

Cả năm 2021, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 75.095 tấn, tăng 10,34% so năm trước.

- Chăn nuôi gia cầm: Trong năm, trên địa bàn tỉnh mặc dù xuất hiện một số ổ dịch cúm gia cầm nhưng đã được khoanh vùng, xử lý kịp thời, không để lây lan nên đàn gia cầm nhìn chung phát triển tốt. Giá các sản phẩm gia cầm những tháng đầu năm có giảm nhưng bà con nông dân vẫn ổn định sản xuất và tái đàn hợp lý. Các tháng cuối năm, giá gia cầm ổn định trở lại, giá trứng gà, vịt tăng mạnh so với năm trước, người chăn nuôi yên tâm tái đàn và đầu tư mở rộng quy mô đàn gia cầm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Ước tính tổng đàn gia cầm trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2021 có 12.034 nghìn con, tăng 1,59% so với cùng thời điểm năm 2020; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng cả năm ước đạt 37.376 tấn, tăng 4,90% (quý IV đạt 8.991 tấn, tăng 4,12%); sản lượng trứng gia cầm đạt 624.299 nghìn quả, tăng 8,52% (quý IV đạt 158.123 nghìn quả, tăng 8,11%).

5.2. Sản xuất lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương; nhiều hoạt động nhằm bảo tồn rừng, nâng cao tỷ lệ độ che phủ của rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và bảo vệ môi trường được tổ chức thực hiện... đã góp phần xanh hóa khu vực đô thị và nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Năm 2021, toàn tỉnh trồng mới tập trung được 701,0 ha diện tích rừng, tăng 6,26% so với năm 2020; số lượng cây trồng phân tán sơ bộ được 1.015,3 nghìn cây, vượt chỉ tiêu kế hoạch năm; sơ bộ sản lượng gỗ khai thác đạt 45.597,6 m³, tăng 7%; sản lượng củi khai thác đạt 52.750,0 ste, giảm nhẹ so với năm 2020.

5.3. Sản xuất thủy sản

Năm 2021, sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phát triển ổn định, giá thủy sản duy trì ở mức cao giúp cho người dân yên tâm sản xuất. Các chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với sản xuất thủy sản tiếp tục được thực hiện đã có tác động tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong nuôi trồng thủy sản. Cùng với đó, các hộ nuôi trồng thủy sản đã chủ động tích cực đầu tư, áp dụng nuôi thâm canh tăng năng suất, các giống cá có năng suất, chất lượng cao được đưa vào ngày càng nhiều; công tác phòng chống dịch bệnh được các cơ sở, các hộ chủ động thực hiện nên thủy sản nuôi trồng phát triển tốt; sản xuất con giống đáp ứng tốt nhu cầu của bà con trong và ngoài tỉnh. Cả năm, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 6.430,6 ha, giảm 92,9 ha so với năm trước; trong đó, diện tích nuôi cá đạt 6.427,5 ha.

Sản lượng thủy sản ước đạt 23,5 nghìn tấn, tăng 2,82% so năm trước (quý IV đạt 5,69 nghìn tấn, tăng 3,13%). Trong đó, sản lượng khai thác đạt 1,89 nghìn tấn, giảm 3,07% (quý IV đạt 0,48 nghìn tấn, giảm 0,42%); sản lượng nuôi trồng đạt 21,61 nghìn tấn, tăng 3,37% so với năm trước (quý IV đạt 5,21 nghìn tấn, tăng 3,47%).

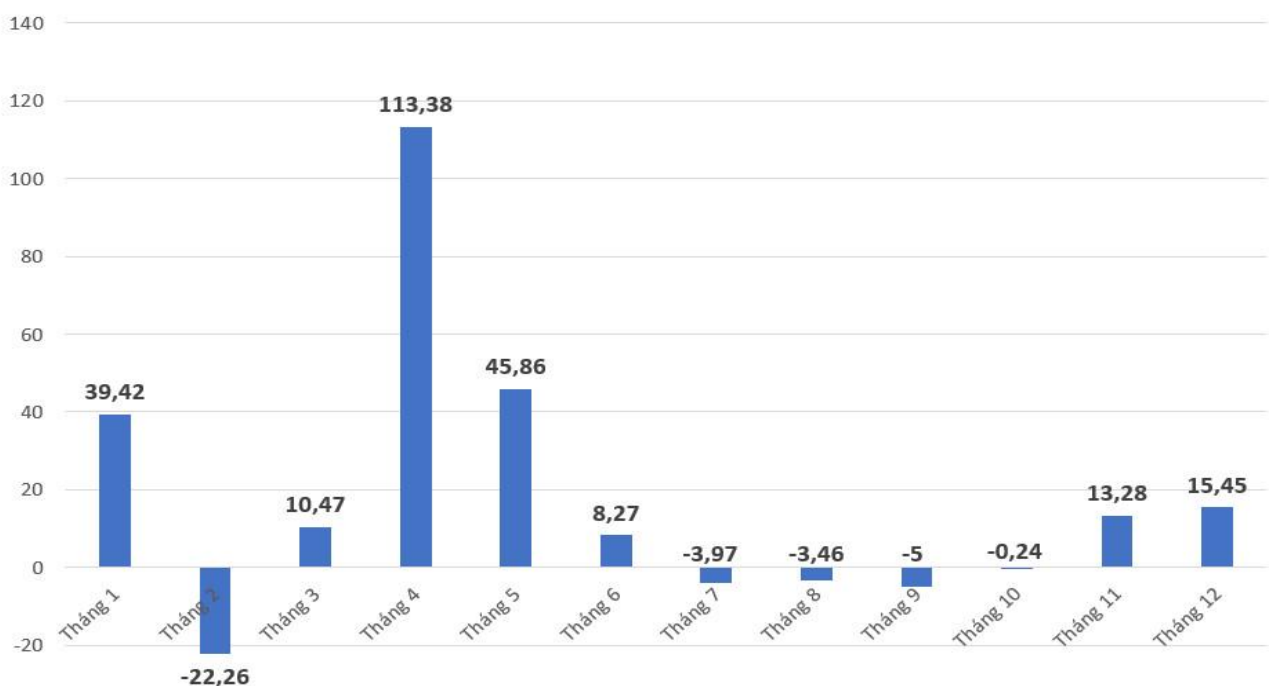
6. Sản xuất công nghiệp

Năm 2021, với sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, dịch bệnh từng bước được kiểm soát, các hoạt động kinh tế - xã hội chuyển sang hoạt động trong “trạng thái bình thường mới”, “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch Covid-19”. Những tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục đà phục hồi mạnh mẽ, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm đạt mức tăng 23,09% so với cùng kỳ. Bước sang quý III, hoạt động sản xuất công nghiệp có sự suy giảm do sự bùng phát của dịch Covid nhưng đã phục hồi và tăng trưởng tốt trở lại ở hai tháng cuối năm¹⁰. Các doanh nghiệp phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất. Tính chung năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 11,72% so với năm trước.

6.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Mười hai ước tính tăng 15,45% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 15,55%; sản xuất và phân phối điện tăng 10,72%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,46%; ngành khai khoáng vẫn tiếp tục xu hướng giảm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) các tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)



Tính chung cả năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,72% so với năm 2020. Mặc dù gặp không ít khó khăn do dịch Covid-19, song các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh vẫn duy trì được năng lực sản xuất tương đối ổn định. Việc thực hiện giãn cách xã hội tại một số tỉnh, thành phố đã làm sự trao đổi thông thương giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh bị hạn chế. Song, đa số các doanh nghiệp đã dự trù khối lượng nguyên vật liệu để duy trì sản xuất; đồng thời, dịch bệnh được khống chế kịp thời nên quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành vẫn diễn ra đảm bảo kế hoạch và tiến độ. Trong các ngành công nghiệp cấp II, có 16/24 ngành công nghiệp có sự phục hồi tích cực, chỉ số sản xuất cả năm tăng khá so với năm trước. Cụ thể: Ngành dệt tăng 27,17%; ngành sản xuất trang phục tăng 14,67%, ngành sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 18,44%; in, sao chép bản ghi tăng 20,87%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 7,92%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,38%; sản xuất kim loại tăng 15,33%; đặc biệt sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học có tốc độ tăng trưởng khá +24,91%, tiếp tục là ngành sản xuất có vị trí then chốt trong nền kinh tế của tỉnh.

Riêng ngành sản xuất xe có động cơ giảm 3,00%; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 11,62% do trong quý III, khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh ở các địa phương nhất là các tỉnh thành phía Nam, các biện pháp phòng chống dịch bệnh được thực hiện chặt chẽ. Việc thực hiện giãn cách xã hội đã khiến lượng xe tiêu thụ giảm mạnh, các doanh nghiệp đã phải cắt giảm sản xuất để hạn chế tồn kho và giảm chi phí. Quý IV, dịch bệnh dần được kiểm soát, các doanh nghiệp trong ngành tập trung đẩy mạnh sản xuất nhằm hoàn thành kế hoạch năm. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so năm trước như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 24,13%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ giảm 13,36%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 10,18%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 4,25%...

6.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Hầu hết sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh tháng Mười hai đều tăng so với tháng trước, tuy nhiên có 3/10 sản phẩm vẫn giảm so với tháng trước: Giày thể thao giảm 6,42%; thức ăn gia súc, gia cầm và điện thương phẩm giảm nhẹ lần lượt là 0,42% và 0,66%.

Tính chung cả năm 2021, có 6/10 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh ghi nhận mức tăng so năm trước, trong đó: Giày thể thao tăng 18,44%; linh kiện điện tử tăng 24,91%; điện thương phẩm tăng 13,6%; nước máy thương phẩm tăng 4,34%.

6.3. Chỉ số sử dụng lao động

Trong năm, hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp tuy bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng vẫn đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại thời điểm 01/12/2021 tăng 1,68% so với tháng trước và tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm, lao động toàn ngành tăng 2,30% so với năm 2020. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 20,85%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,20%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí tăng 4,17%; ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,96%. Chia theo loại hình doanh nghiệp: Khối doanh nghiệp Nhà nước tăng 8,09%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 0,15%; doanh nghiệp FDI tăng 2,78%.

6.4. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười hai tăng 7,97% so với tháng trước và tăng 2,71% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 12 tháng, chỉ số tiêu thụ giảm 4,43%. Trong đó, có 9/18 ngành công nghiệp có chỉ số tiêu thụ tăng: Ngành dệt tăng 24,11%; sản xuất da và các sản phẩm từ da tăng 21,16%; sản xuất kim loại tăng 13,85%; sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất tăng 13,63%;... Các ngành có chỉ số tiêu thụ trong năm giảm là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 5,68%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 6,65%; ngành sản xuất xe có động cơ giảm 3,38%...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười hai giảm 4,11% so với tháng trước. So với tháng 12 năm trước, chỉ số tồn kho tăng 15,06%, trong đó có 6/18 ngành có chỉ số tồn kho giảm: Ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 81,22%, sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 33,22%, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 26,94%... Bên cạnh đó, nhiều ngành có chỉ số tồn kho tăng, như: Sản xuất trang phục tăng 10,44%, sản xuất da và các sản phẩm từ da tăng 20,31%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic, tăng 59,80%...

7. Thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ mặc dù diễn ra trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, một số ngành nghề kinh doanh bị hạn chế hoạt động, nhưng các đơn vị kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn đã đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt, thích ứng hiệu quả với tình hình mới; đồng thời, chủ động đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, các mặt hàng nhu yếu phẩm, thực phẩm thiết yếu để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Do vậy, kết quả kinh doanh thương mại, dịch vụ của tỉnh trong năm 2021 vẫn đạt mức tăng khá so với năm trước, đáp ứng tốt nhu cầu cho hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động vận tải tuy còn gặp khó

khẩn song vẫn đảm bảo thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân và yêu cầu vận chuyển hàng hóa, vật tư phục vụ tiêu dùng, sản xuất kinh doanh.

7.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 năm 2021 ước đạt 5.257 tỷ đồng, tăng 0,48%; quý IV ước đạt 15.236,9 tỷ đồng, giảm 1,26% so với cùng kỳ. Cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 55.351,9 tỷ đồng, tăng 5,83% so với năm trước. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12 năm 2021 ước đạt 4.641,1 tỷ đồng, giảm 0,54%; quý IV ước đạt 13.451,8 tỷ đồng, giảm 1,84% so với cùng kỳ. Cả năm 2021, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 49.295,3 tỷ đồng, chiếm 89,06% tổng mức, tăng 5,91% so với năm 2020.

Trong toàn bộ 12 nhóm ngành hàng chủ yếu, các nhóm ngành hàng có quy mô lớn, chiếm tỉ trọng cao trong tổng mức bán lẻ đều có doanh thu năm 2021 tăng so với năm trước, cụ thể: Lương thực, thực phẩm ước đạt 12.365,7 tỷ đồng, tăng 12,38%; gỗ và vật liệu xây dựng ước đạt 17.527,2 tỷ đồng, tăng 9,24%; hàng hóa khác ước đạt 5.153,3 tỷ đồng, tăng 8,68%; xăng, dầu các loại ước đạt 2.875,1 tỷ đồng, tăng 2,40%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) ước đạt 462,6 tỷ đồng, tăng 16,86%.

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 12 năm 2021 ước đạt 403,2 tỷ đồng, tăng 14,03%; quý IV ước đạt 1.165,1 tỷ đồng, tăng 6,38% so với cùng kỳ. Năm 2021, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 3.807,8 tỷ đồng, chiếm 6,88% tổng mức, tăng 5,09% so với năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 271,5 tỷ đồng, giảm 6,47%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 3.504,3 tỷ đồng, tăng 7,72%; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành ước đạt 32,0 tỷ đồng, giảm mạnh 59,89% so với năm 2020.

- Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng tháng 12 năm 2021 ước đạt 212,7 tỷ đồng, tăng 0,26%; quý IV năm 2021 ước đạt 619,9 tỷ đồng, giảm 1,94% so với năm trước. Cả năm 2021, doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.248,8 tỷ đồng, chiếm 4,06% tổng mức, tăng 5,33% so với năm 2020.

7.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Những tháng đầu năm, hoạt động vận tải trên địa bàn diễn ra sôi động. Cuối tháng Tư, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại tại tỉnh và một số địa phương khác của cả nước, một số loại hình kinh doanh vận tải đã được yêu cầu tạm dừng hoặc hạn chế hoạt động. Người dân có xu hướng tăng cường sử dụng phương tiện cá nhân để di chuyển thay cho phương tiện công cộng nhằm hạn chế nguy cơ lây nhiễm. Bên cạnh đó, do tác động tiêu cực của dịch bệnh nên nhiều hoạt động kinh

tế còn gặp khó khăn, sản lượng hàng hóa sản xuất và lưu thông chưa tăng cao; các quy định về kiểm tra, kiểm soát phòng, chống dịch bệnh đối với hoạt động vận tải ở một số địa phương còn chưa thống nhất khiến quá trình vận chuyển, lưu thông hàng hóa gặp trở ngại nhất định. Vì vậy, doanh thu hoạt động vận tải hành khách năm 2021 giảm mạnh so với năm trước.

Ước tính, doanh thu hoạt động vận tải tháng 12 năm 2021 ước đạt 363 tỷ đồng, giảm 4,41%; quý IV ước đạt 997,1 tỷ đồng, giảm 16,33% so với năm trước. Ước năm 2021, doanh thu hoạt động vận tải đạt 3.662,3 tỷ đồng, giảm 6,16%; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 463,1 tỷ đồng, giảm 32,09%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 3.122,3 tỷ đồng, giảm 0,06% so với năm 2020.

Vận tải hành khách năm 2021 ước đạt hơn 10,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 34,87%; luân chuyển đạt gần 700,8 triệu lượt khách.km, giảm 35,90% so với năm 2020. Chia theo ngành vận tải: Vận tải hành khách đường bộ đạt hơn 10,5 triệu lượt khách (giảm 35,17%), luân chuyển đạt hơn 700,3 triệu lượt khách.km (giảm 35,90%); đường thủy nội địa đạt 428,3 nghìn lượt khách (giảm 26,41%), luân chuyển đạt 434 nghìn lượt khách.km (giảm 27,05%). Riêng quý IV, vận tải hành khách ước đạt gần 2,1 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 62,13%; luân chuyển ước đạt 131,7 triệu lượt khách.km, giảm 63,22% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa năm 2021 ước đạt hơn 29,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 3,71%; luân chuyển đạt hơn 2.230,6 triệu tấn.km, giảm 2,25% so với năm trước. Trong đó, vận tải hàng hóa đường bộ đạt 15,2 triệu tấn (giảm 11,54%), luân chuyển đạt 837,8 triệu tấn.km (giảm 10,43%); vận tải đường thủy nội địa đạt 14,3 triệu tấn (tăng 6,33%), luân chuyển đạt 1.392,8 triệu tấn.km (tăng 3,43%). Riêng quý IV, vận tải hàng hóa ước đạt gần 8,1 triệu tấn, giảm 12,90%, luân chuyển ước đạt 621,1 triệu tấn.km, giảm 12,99% so với cùng kỳ.

7.3. Chỉ số giá

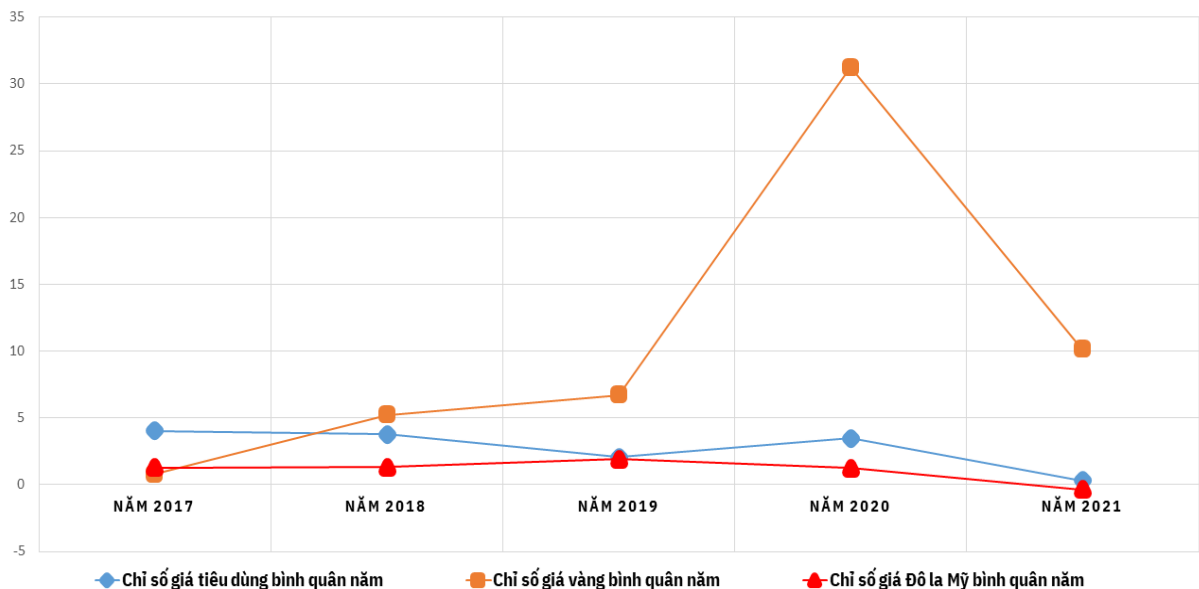
Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng Mười hai năm 2021 có biến động giảm 0,30% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 03 nhóm hàng giảm, trong đó giảm nhiều nhất là nhóm giao thông giảm 1,60% do giá xăng dầu điều chỉnh giảm ngày 25/11/2021 và ngày 10/12/2021. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,68% so với tháng trước do ảnh hưởng của giá nhiên liệu thế giới, giá gas và giá dầu hỏa trong nước giảm làm cho chỉ số nhóm này giảm. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,34% so với tháng trước, giảm chủ yếu ở giá rau tươi các loại, giá thịt gia cầm, giá gạo tẻ thường do nguồn cung nhiều, một số loại rau đang chính vụ. Các nhóm hàng còn lại giá tương đối ổn định và biến động tăng nhẹ.

CPI bình quân năm 2021 tăng 0,31% so với năm trước, thấp nhất trong 5 năm trở lại đây, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát và giữ CPI bình quân năm 2021 dưới 4% của Quốc hội đề ra. Nguyên nhân làm tăng CPI trong năm 2021 là do giá

nhiên liệu (xăng A95(VI), xăng sinh học E5, dầu diezen) trong nước bình quân năm 2021 tăng 28,36%, làm CPI chung tăng 0,91 điểm phần trăm so với năm trước. Giá xăng, dầu tăng kéo theo chi phí vận chuyển tăng, ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa trên thị trường tiêu dùng. Giá các mặt hàng lương thực năm 2021 tăng 3,49% so với năm trước, làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm, chủ yếu ở nhóm gạo, bột mì và ngũ cốc khác. Chỉ số nhóm thuốc và dịch vụ y tế năm 2021 tăng 0,28% so với năm trước. Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở năm 2021 tăng 6,62% so với năm trước, làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm do giá xi măng, thép, cát tăng mạnh trong năm 2021.

Trong chiều ngược lại, một số yếu tố kiềm chế giúp CPI bình quân năm 2021 đạt mục tiêu đề ra như: Giá các mặt hàng thực phẩm giảm 3,59% góp phần làm cho CPI chung giảm 0,84% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài nên nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ thịt gia súc giảm do các cửa hàng kinh doanh phải ngừng kinh doanh hoặc hoạt động một phần công suất để bảo đảm an toàn và phòng chống dịch đã làm cho giá thịt gia súc năm 2021 giảm. Trước ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 và phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, tạm ngừng các hoạt động du lịch, dịch vụ trong thời gian dài, nhóm du lịch trọn gói chịu ảnh hưởng nặng nề, giảm 8,06% làm cho chỉ số nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 5,04% so với năm trước.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG, CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ BÌNH QUÂN NĂM GIAI ĐOẠN 2017 - 2021



Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ trên địa bàn biến động cùng chiều với giá vàng và giá đồng Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, chỉ số giá vàng trong tháng Mười hai giảm 0,18% so với tháng trước, giá vàng bình quân trên thị trường tự do là 5.465 nghìn đồng/chỉ. Giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do trong tháng tăng

0,87% so với tháng trước, giá bán bình quân ở mức 23.150 đồng/USD. Bình quân cả năm 2021, chỉ số giá vàng tăng 10,14%, chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,36% so với năm 2020.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Công tác giải quyết lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

- *Công tác giải quyết lao động, việc làm:* Năm 2021, tác động của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình lao động, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội của tỉnh. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai các biện pháp hỗ trợ hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, ổn định lao động cho các doanh nghiệp, cung cấp kịp thời các thông tin về cung cầu lao động cho doanh nghiệp; tạo điều kiện cho các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý, công nhân lao động của các địa phương làm việc tại các doanh nghiệp ở Vĩnh Phúc làm việc theo hình thức trực tuyến, tỉnh tạo điều kiện về chỗ ở ký túc xá cho công nhân và đàm phán các khách sạn trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện về mức giá cho chuyên gia, người lao động thuê phòng nghỉ lại tại tỉnh; Khảo sát, nắm bắt cụ thể tình hình về nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động ở các doanh nghiệp; chỉ đạo các trung tâm dịch vụ việc làm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để động viên, hỗ trợ hiệu quả người lao động quay trở lại đơn vị làm việc; tìm kiếm, tuyển dụng lao động mới cho các doanh nghiệp... Ước năm 2021, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 16.080 lao động, đạt với kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,6%.

Về triển khai, thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ: UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện. Tính đến hết ngày 03/11/2021, đã hỗ trợ gần 20,2 tỷ đồng cho nhóm chính sách về bảo hiểm (người sử dụng lao động); trên 24,6 tỷ đồng, hỗ trợ trên 63 nghìn lượt đối tượng nhóm chính sách hỗ trợ bằng tiền (đối tượng là người lao động); giải quyết cho 226.252 lượt người lao động hưởng chế độ hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp, với số tiền 303,2 tỷ đồng.

- *Công tác an sinh xã hội:* Các lĩnh vực giảm nghèo và an sinh xã hội tiếp tục được tỉnh Vĩnh Phúc quan tâm, chú trọng. Mặc dù, tác động của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình giảm nghèo và an sinh xã hội của tỉnh, nhưng các cấp chính quyền đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, tạo điều kiện cho các đối tượng này nâng cao đời sống tinh thần và cải thiện đời sống vật chất. Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2021, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo năm 2021 giảm hơn năm 2020 (năm 2021: tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 0,44%, tỷ lệ hộ cận nghèo 1,33%; năm 2020: tỷ lệ hộ nghèo 0,98%, tỷ lệ hộ cận

nghèo 1,88%). Kết quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách tính hết tháng 11/2021 như sau: Số đối tượng hiện đang được tiếp cận nguồn vốn là 96.053 khách hàng với tổng số dư nợ trên 2.182,6 tỷ đồng.

Chính sách ưu đãi đối với người có công, các đối tượng chính sách tiếp tục được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, nhất là trong các dịp lễ tết. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được các cấp các ngành, các cơ quan đơn vị các tổ chức đoàn thể tập trung thực hiện tốt việc thăm hỏi và tặng quà, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công. Cụ thể trong năm 2021, thăm hỏi và tặng quà của Chủ tịch nước, của cấp tỉnh, huyện, xã tới đối tượng chính sách, người có công với tổng số tiền trên 61 tỷ đồng.

Công tác chăm sóc, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được duy trì với những hoạt động thiết thực, hiệu quả. Ngoài nguồn ngân sách tỉnh, Quỹ Bảo trợ trẻ em đã huy động được các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ với tổng số tiền 3,8 tỷ đồng. Trong năm, những kết quả nổi bật về hoạt động chăm sóc, hỗ trợ trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng, như: trên 25 nghìn trẻ em được khám sàng lọc phát hiện sớm các bệnh về tim, mắt, vận động, dị tật vùng hàm mặt; trao tặng 10 xe lăn, xe đẩy bại não và dụng cụ chỉnh hình cho 10 trẻ em khuyết tật và 310 xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng và bàn giao 4 nhà tình thương; trao 350 xuất học bổng, 10 sổ tiết kiệm; hỗ trợ đột xuất kịp thời cho các trường hợp tử vong mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thương tích... Đồng thời, tỉnh nhà trao tặng hàng nghìn xuất quà, sữa học đường, đồ dùng học tập... cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, vào các dịp Tháng hành động vì trẻ em, Tháng cao điểm vì người nghèo, Ngày người khuyết tật, Tết thiếu nhi, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán...

2. Giáo dục và đào tạo

- *Giáo dục phổ thông*: Năm học 2020 - 2021 là năm thứ 2 chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; tuy nhiên, được sự quan tâm, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vĩnh Phúc và sự linh hoạt, sáng tạo, đổi mới của toàn ngành, ngành GD&ĐT tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn thành “nhiệm vụ kép”, vừa phòng, chống dịch, vừa tổ chức dạy học có hiệu quả. Cùng với tích cực triển khai các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh, ngành GD&ĐT tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục thực hiện tốt công tác rà soát, quy hoạch, sắp xếp mạng lưới, quy mô trường lớp theo hướng tinh giản đầu mối, nâng cao hiệu quả công tác quản lý; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục,

phân luồng học sinh sau THCS và THPT; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu.

Tỷ lệ tốt nghiệp của tỉnh đạt 99,36%, tiếp tục giữ vững vị trí thứ 5 toàn quốc về điểm trung bình các môn thi, với số điểm là 6,83 (tăng 0,23 điểm so với năm 2020). 7/9 môn thi của Vĩnh Phúc có điểm trung bình bài thi nằm trong top 10 toàn quốc. Đặc biệt, môn Tiếng Anh lần đầu tiên đứng vị trí thứ 10 toàn quốc, lần đầu tiên vượt mốc 5,0 điểm với điểm trung bình bài thi là 6,266 (tăng 1,436 điểm so với năm 2020). Chất lượng giáo dục mũi nhọn tăng, mở rộng với hơn 3.000 học sinh giỏi cấp tỉnh; 82/92 học sinh dự thi đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia đạt tỷ lệ 89,13%, đứng đầu cả nước, trong đó, có 11 giải Nhất, trở thành địa phương có tỷ lệ học sinh đoạt giải và số giải Nhất cao nhất toàn quốc; 2 học sinh đoạt huy chương tại kỳ thi Olympic quốc tế...

- *Công tác đào tạo nghề*: Công tác dạy nghề tiếp tục được triển khai thực hiện. Công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS được quan tâm và duy trì, các trường chuyên nghiệp và đào tạo nghề đã tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, đánh giá kết quả học tập của người học gắn với năng lực thực hiện, bước đầu áp dụng chương trình đào tạo đảm bảo tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập theo hướng đáp ứng chuẩn đầu ra của học sinh tốt nghiệp.

3. Y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm

- *Công tác phòng, chống dịch Covid-19*: Năm 2021, mặc dù dịch Covid-19 xuất hiện trở lại trên địa bàn tỉnh từ cuối tháng Tư; song với sự quyết tâm và vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát. Ngay khi Nghị quyết 128 của Chính phủ được ban hành, tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, đưa Vĩnh Phúc hoạt động theo trạng thái bình thường mới và đảm bảo “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”. Nhờ đó, những tháng cuối năm các địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn đang kiểm soát được dịch bệnh góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống dân cư. Tính đến ngày 24/12/2021, trên địa bàn tỉnh ghi nhận số ca mắc Covid-19 là 2.382 ca; trong đó: số bệnh nhân đã được điều trị khỏi 1.209 người, số bệnh nhân đang được điều trị là 861 người, số bệnh nhân tử vong 06 người.

Thực hiện chiến dịch tiêm vắc xin do Thủ tướng Chính phủ phát động trên cả nước, tỉnh Vĩnh Phúc đã chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, cùng với đó đề xuất với Chính phủ, Bộ Y tế về việc cung ứng nguồn vắc xin tiêm phòng Covid-19 cấp cho tỉnh. Tính đến ngày 24/12/2021, đã

tiếp nhận 1.471.186 liều vắc xin, triển khai tiêm vắc xin cho 772.973 người đạt 95,4% dân số trên 18 tuổi. Kết quả tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho người từ 12-17 tuổi: Tổng số vắc xin đã được nhận là 131.904 liều, triển khai tiêm được 126.825 người, đạt 82,79% trẻ từ 12-17 tuổi.

Công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân thường xuyên được quan tâm. Tuy nhiên, một số bệnh truyền nhiễm như cúm, tiêu chảy, thủy đậu vẫn xảy ra rải rác ở các địa phương, vì vậy tỉnh đã chỉ đạo ngành Y tế tập trung khoanh vùng và xử lý các ổ dịch; tổ chức phân luồng, điều trị kịp thời cho người bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trong công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh trong nhà trường, nhất là ở các trường học lứa tuổi nhà trẻ, mẫu giáo, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định; không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

- *Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP)*: Các ngành chức năng trong tỉnh thường xuyên tổ chức các đợt thanh, kiểm tra công tác an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán, các khu vực cách ly phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số 66 người mắc, số người nhập viện điều trị là 34 người, không có trường hợp nào tử vong; nguyên nhân ngộ độc là do vi sinh vật E.Coli và Salmore trong thực phẩm gây ra.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS*: Công tác phòng, chống HIV/AIDS được truyền thông rộng rãi góp phần nâng cao nhận thức về phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng. Tính đến ngày 30/11/2021, lũy tích có 4.761 người nhiễm HIV, lũy tích số người chuyển AIDS là 2.350 người (số có hộ khẩu tại tỉnh là 1.536 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.066 người (863 trường hợp có hộ khẩu tại tỉnh. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.053 bệnh nhân. Có 100% trẻ nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ theo nhu cầu và được điều trị bằng thuốc ARV.

4. Các hoạt động văn hoá và thể thao

Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức với nhiều hình thức, phù hợp với tình hình, diễn biến của dịch Covid-19. Hoạt động các cơ quan báo chí, bản tin, trang thông tin điện tử, đài truyền thanh các cấp đã bám sát định hướng tuyên truyền và làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ đề trọng tâm; tập trung hướng dẫn, thực hiện tuyên truyền sâu đậm về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, bầu cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp,... Công tác quản lý, bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm đảm bảo gìn giữ tối đa yếu tố lịch sử văn hóa lâu đời; thực hiện

khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa đã được ban hành. Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh.

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội và tai nạn giao thông

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai đồng bộ với nhiều kế hoạch chuyên đề, đề án và nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm được thực hiện. Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và công tác cấp căn cước công dân có gắn chip điện tử được triển khai đảm bảo tiến độ. Hoạt động tuần tra, kiểm tra lưu động công tác phòng chống dịch Covid-19 được duy trì thường xuyên. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm chế, giảm trên cả 3 tiêu chí. Theo báo cáo của Công an tỉnh, tính đến ngày 15/12/2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 40 vụ tai nạn giao thông, 29 người chết và bị thương 25 người, so năm trước số vụ tai nạn giảm 01 vụ và số người chết giảm 02 người, số người bị thương giảm 07 người.

6. Tình hình cháy nổ và bảo vệ môi trường

- *Tình hình cháy nổ*: Công tác phòng chống cháy nổ được quan tâm. Các hình thức tuyên truyền về phòng chống cháy nổ được triển khai sâu rộng, đa dạng qua hệ thống phát thanh tại các điểm giao thông, hệ thống truyền thanh xã, phường và các cơ quan thông tin đại chúng; đồng thời đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy” nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong công tác phòng cháy chữa cháy... Theo báo cáo của Công an tỉnh Vĩnh Phúc, từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 28 vụ cháy (trong đó có 02 người bị thương), ước giá trị thiệt hại 5,6 tỷ đồng.

- *Công tác bảo vệ môi trường*: Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm, UBND tỉnh đã yêu cầu UBND các huyện, thành phố tăng cường chỉ đạo, giám sát đối với công tác thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn nói chung, chất thải rắn sinh hoạt nói riêng; xây dựng kế hoạch xử lý chất thải rắn trước mắt và lâu dài ở địa phương. Năm 2021, các ngành chức năng đã triển khai tốt công tác truyền thông và bảo vệ môi trường, tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng các sự kiện môi trường như: Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Giờ trái đất, Tuần lễ nước sạch vệ sinh môi trường, Ngày môi trường thế giới... bằng nhiều hình thức đa dạng. Theo số liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường, trong năm 2021 các cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý 71 vụ vi phạm môi trường, số vụ đã xử lý 50 vụ, số tiền đã xử phạt 1.148,5 triệu đồng. So với năm trước giảm 91 vụ và số tiền xử phạt giảm 6.213,67 triệu đồng.

- *Tình hình thiên tai:* Năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 06 vụ thiên tai do mưa lớn kèm theo sấm sét và gió lốc giạt mạnh, gây thiệt hại về sản xuất nông nghiệp và tài sản của người dân (các vụ thiên tai trong năm đều không gây thiệt hại về người). Ước tính tổng giá trị thiệt hại trên 6.738,6 triệu đồng. So với năm trước số vụ thiên tai giảm 03 vụ, giảm 07 người chết và giảm 21 người bị thương. Ngay sau khi xảy ra thiên tai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và chính quyền các địa phương đã trực tiếp kiểm tra, rà soát, chỉ đạo khắc phục thiệt hại; tăng cường tuyên truyền, cảnh báo và hướng dẫn người dân biện pháp khắc phục nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do mưa lớn gây ra./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK (báo cáo);
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các cơ quan, đơn vị theo lịch PBT 2021;
- Lưu VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hồng Phong